

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÂN LẬP – ĐAN PHƯỢNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

HÀ NỘI - 2019

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÂN LẬP – ĐAN PHƯỢNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	Nguyễn Trọng Thà	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	Lý Đức Kim	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3.	Kiều Anh Tuấn	TKHĐ	Thư ký	
4.	Tạ Văn Thực	TKHĐ	Thư ký	
5.	Phạm Ngọc Nguyên	CTCĐ	Ủy viên	
6.	Nguyễn Tiến Thanh Tùng	BTĐ	Ủy viên	
7.	Nguyễn Thị Minh Huệ	TTCM	Ủy viên	
8.	Chu Thị Thu Hương	TTCM	Ủy viên	
9.	Trần Thị Loan	TTCM	Ủy viên	
10.	Cao Thị Mai	TTCM	Ủy viên	
11.	Nguyễn Thị Thủy	TTCM	Ủy viên	
12.	Nguyễn Tài Phương	TT tổ VP	Ủy viên	
13.	Thiều Thị Toán	Văn thư	Ủy viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	15
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	17
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	17
Mở đầu	17
Tiêu chí 1.1	17
Tiêu chí 1.2	18
Tiêu chí 1.3	19
Tiêu chí 1.4	21
Tiêu chí 1.5	23
Tiêu chí 1.6	25
Tiêu chí 1.7	26
Tiêu chí 1.8	28
Tiêu chí 1.9	29
Tiêu chí 1.10	30
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	32
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 2.1	33
Tiêu chí 2.2	24
Tiêu chí 2.3	36
Tiêu chí 2.4	38
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	40
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 3.1	40
Tiêu chí 3.2	41
Tiêu chí 3.3	43
Tiêu chí 3.4	44

Tiêu chí 3.5	46
Tiêu chí 3.6	48
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	49
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	50
Mở đầu	50
Tiêu chí 4.1	50
Tiêu chí 4.2	52
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	54
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 5.1	54
Tiêu chí 5.2	56
Tiêu chí 5.3	58
Tiêu chí 5.4	59
Tiêu chí 5.5	62
Tiêu chí 5.6	64
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	66
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	67
Tiêu chí 1	
Tiêu chí 2	
Tiêu chí 3	
Tiêu chí 4	
Tiêu chí 5	
Tiêu chí 6	
Kết luận đánh giá tiêu chí Mức 4	
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	67
Phần IV. PHỤ LỤC	
DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1.	BCHCD	Ban chấp hành công đoàn
2.	BGH	Ban giám hiệu
3.	CMHS	Cha mẹ học sinh
4.	CNTT	Công nghệ thông tin
5.	CLB	Câu lạc bộ
6.	GDCD	Giáo dục công dân
7.	GDQP-AN	Giáo dục Quốc phòng An ninh
8.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
9.	GDTC	Giáo dục thể chất
10.	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
11.	THPT	Trung học phổ thông
12.	TNCS	Thanh niên cộng sản
13.	TDTT	Thể dục thể thao
14.	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X		
Tiêu chí 1.2			X	
Tiêu chí 1.3			X	
Tiêu chí 1.4			X	
Tiêu chí 1.5			X	
Tiêu chí 1.6			X	
Tiêu chí 1.7		X		-----
Tiêu chí 1.8			X	-----
Tiêu chí 1.9			X	-----
Tiêu chí 1.10			X	-----
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X		
Tiêu chí 2.2			X	
Tiêu chí 2.3			X	
Tiêu chí 2.4			X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3		X		
Tiêu chí 3.4			X	
Tiêu chí 3.5		X		
Tiêu chí 3.6			X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1			X	
Tiêu chí 4.2		X		
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1			X	
Tiêu chí 5.2			X	

Tiêu chí 5.3			X	
Tiêu chí 5.4			X	
Tiêu chí 5.5			X	
Tiêu chí 5.6			X	

Kết quả: Đạt Mức 1

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22			
Khoản 2, Điều 22			
Khoản 3, Điều 22			
Khoản 4, Điều 22			
Khoản 5, Điều 22			
Khoản 6, Điều 22			

Kết quả: Đạt Mức 4/Không đạt

2. Kết luận: Trường đạt Mức...../không đạt

Hướng dẫn: Trường được đánh giá đạt Mức 1 khi tất cả các tiêu chí của Mức 1 đạt; đạt Mức 2 khi đạt Mức 1 và tất cả các tiêu chí của Mức 2 đạt; đạt Mức 3 khi đạt Mức 2 và tất cả các tiêu chí của Mức 3 đạt. Đạt Mức 4 khi đạt Mức 3 và tất cả các tiêu chí Mức 4 đạt.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): **Trung học phổ thông Tân Lập – Đan Phượng**

Tên trước đây (nếu có): Cơ sở II trường THPT Đan Phượng; Phổ thông trung học Tân Lập

Sở (Phòng) Giáo dục và Đào tạo: Sở GD&ĐT Hà Nội

Thành phố	Hà Nội	Họ và tên hiệu trưởng	<i>Nguyễn Trọng Thà</i>
Huyện/huyện /thị xã	<i>Đan Phượng</i>	Điện thoại	<i>02433662765</i>
Xã / xã/thị trấn	<i>Tân Lập</i>	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia	<i>Đạt chuẩn Quốc Gia giai đoạn 2001-2010</i>	Website	www.c3tanlap.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	<i>2003</i>	Số điểm trường	1
Công lập	<i>Công lập</i>	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Khối lớp 10	11	12	12	13	13
Khối lớp 11	11	11	12	12	13
Khối lớp 12	11	11	11	12	12
Cộng	33	34	35	37	38

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	37	37	38	38	38	
1	Phòng học	27	27	27	27	27	
a	Phòng kiên cố	27	27	27	27	27	
b	Phòng bán kiên cố						
c	Phòng tạm						
2	Phòng học bộ môn	6	6	6	6	6	
a	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6	
b	Phòng bán kiên cố						
c	Phòng tạm						
3	Khối phòng phục vụ học tập	4	4	5	5	5	
a	Phòng kiên cố	4	4	5	5	5	
b	Phòng bán kiên cố						
c	Phòng tạm						

II	Khối phòng hành chính - quản trị	10	11	11	11	11	
1	Phòng kiên cố	10	11	11	11	11	
2	Phòng bán kiên cố						
3	Phòng tạm						
III	Thư viện	1	2	2	2	2	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	5	5	5	5	5	
...							
	Cộng	62	63	63	63	63	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1					1	
Phó hiệu trưởng	2	1				1	
Giáo viên	69				40	29	
Nhân viên	10	6			10		
...							
Cộng	82						

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
1	Tổng số giáo viên	72	70	70	65	68
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2,18	2,06	2,00	1,76	1,79
3	Tỷ lệ giáo viên/học	0,054	0,052	0,051	0,043	0,042

	sinh					
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	6	6	3	2	
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	3	4	0	1	
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1335	1355	1380	1506	1610	
	- Nữ		723	731	784	858	
	- Dân tộc thiểu số		2	3	2	0	
	- Khối lớp 10	449	473	465	585	582	
	- Khối lớp 11	440	447	471	452	577	
	- Khối lớp 12	446	435	444	469	451	
	...						
2	Tổng số tuyển mới	449	473	465	585	582	
3	Học 2 buổi/ngày						
4	Bán trú						

5	Nội trú						
6	Bình quân số học sinh/lớp học	40,45	39,85	39,43	40,7	42,37	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	100	100	100	100	100	
	- Nữ	100	100	100	100	100	
	- Dân tộc thiểu số						
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	7	18	4	6	5	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)						
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	7	17	18	21	17	
	- Nữ						
	- Dân tộc thiểu số						
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc						

	biệt						
...	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1						
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học						
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học						
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học						
Các số liệu khác (nếu có)						

c) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	9,27	12,8	15,1	17,3		
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	56,73	66,1	65,8	66,3		
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	1,79	0,7	0,4	0,6		
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	90,28	88,8	92	87,8		
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	8,45	8,6	7,42	11,3		
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	1,05	0,3	0,5	0,9		
Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS (THPT)						
Tỷ lệ học sinh hoàn thành						Đối với nhà trường có lớp tiểu học

chương trình lớp học						
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học						
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học						
Các số liệu khác (nếu có)						

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường.

Trường THPT Tân Lập được thành lập ngày 02/07/2003 theo Quyết định số: 903/QĐ-UB của chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tây. Năm học 2003 - 2004 là năm học đầu tiên nhà trường có 20 lớp với hơn 1000 học sinh, 38 CBGV-CNV. Với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ giáo viên công nhân viên nhà trường tháng 7/2008 trường được UBND tỉnh Hà Tây công nhận là trường THPT Đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 - 2010 theo quyết định số: 2147/QĐ-UBND ngày 08/07/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tây.

Trường đóng trên địa bàn xã Tân Lập huyện Đan Phượng thành phố Hà Nội với diện tích hiện nay là 22.00 m². Nhiệm vụ của nhà trường là giáo dục học sinh cấp Trung học phổ thông cho Thành phố Hà Nội, trong đó chủ yếu là học sinh trên địa bàn huyện Đan Phượng và một số học sinh thuộc các huyện, huyện khác trên địa bàn Hà Nội.

Trường hiện có khu phòng học 2 tầng kiên cố với 27 phòng học; có khu Thực hành bộ môn 2 tầng với các phòng thực hành đạt chuẩn, có nhà tập đa năng, Thư viện, phòng Truyền thống; có khu sân chơi cho học sinh phía trước và sau khu phòng học; Khu Hiệu bộ đảm bảo các phòng làm việc cho Ban giám hiệu, các phòng chuyên môn.

Hiện tại, Ban giám hiệu nhà trường có 3 đồng chí; giáo viên nhà trường có 68 đồng chí, nhân viên có 10 đồng chí với trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn; các tổ chức chính trị, xã hội trong nhà trường đảm bảo đúng quy định và hoạt động theo Điều lệ. Trường đã được công nhận Trường chuẩn quốc gia cấp độ I năm 2008

2. Mục đích TĐG

Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục, đăng ký công nhận chuẩn quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Thực hiện Công văn số 3134/SGD&ĐT-KHTC của Sở GD&ĐT Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc Hướng dẫn công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia, trường THPT Tân Lập - Đan Phượng đã tiến hành tự đánh giá chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất

lượng giáo dục trường THPT ban hành kèm theo Thông tư Số: 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 và văn bản Số: 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018, về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường được thành lập theo quyết định số 43/QĐ-HT ngày 6 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng trường THPT Tân Lập - Đan Phượng gồm 13 thành viên trong hội đồng giáo dục có trách nhiệm và có năng lực cùng cộng tác để hoàn thành công tác tự đánh giá.

Quá trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện đúng quy trình mà Bộ GD&ĐT đã hướng dẫn, gồm 7 bước:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Tất cả các bước trên đều thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai và khoa học. Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của bộ tiêu chuẩn; sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan. Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau như: Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường, máy vi tính, máy in, máy photocopy, mạng Internet để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành sưu tầm thông tin, tìm minh chứng, so sánh đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan, sau đó đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí của Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học, trên cơ sở đó phân tích đánh giá các điểm mạnh và những tồn tại để làm căn cứ đề xuất các kế hoạch khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng được thành lập từ năm 2003. Từ đó đến nay, cơ cấu tổ chức nhà trường đã hoàn thiện theo đúng quy định. Chi bộ Đảng lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, hoạt động trong khuôn khổ của điều lệ trường trung học, tuân thủ pháp luật. Chi bộ đã làm tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo trong nhà trường. Ban giám hiệu có đủ cơ sở theo quy định, đã và đang tích cực thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn dạy và học.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển. Chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đan Phượng theo giai đoạn 2015 – 2020 và các nguồn lực của nhà trường như nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất [H1-1.1-01].

Từ ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên và trên cơ sở các nguồn lực nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2015 – 2020

bằng văn bản. Chiến lược được triển khai thực hiện, được trình lên Sở GD&ĐT Hà Nội nhưng chưa được phê duyệt [H1-1.1-02].

Chiến lược đã được niêm yết công khai tại nhà trường để cán bộ, giáo viên, nhân viên cùng học sinh và cha mẹ học sinh được biết. Tuy nhiên, chiến lược chưa được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của huyện Đan Phượng và trang thông tin điện tử của Sở GD&ĐT Hà Nội [H1-1.1-03].

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng chiến lược bằng văn bản, đã công khai tới mọi thành viên trong nhà trường

3. Điểm yếu

Chiến lược chưa được Sở GD&ĐT Hà Nội phê duyệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020 nhà trường sẽ xây dựng Chiến lược 2020 – 2025 và làm tờ trình đề nghị Sở GD&ĐT phê duyệt.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường Được thành lập đúng theo quy định của Điều lệ, có 1 Chủ tịch, 1 thư ký và 7 thành viên gồm đại diện của Chi bộ, Ban giám hiệu, Công đoàn, Đoàn TNCS, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng [H1-1.2-01].

Hội đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ: Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch, quy chế hoạt động và phương hướng phát triển của nhà trường để trình Sở GD&ĐT phê duyệt; Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; Giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế

dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-02].

Các hoạt động của Hội đồng trường được định kỳ rà soát, đánh giá theo năm học, chưa đánh giá theo học kỳ. Qua việc rà soát này, Hội đồng trường rút ra kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động [H1-1.2-02].

Mức 2:

Hội đồng trường hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, kết quả học lực và hạnh kiểm của học sinh năm sau cao hơn năm trước, điểm tuyển sinh vào lớp 10 đã tăng lên theo từng năm học [H1-1.2-03].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường được thành lập đúng theo quy định, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đúng theo Điều lệ

3. Điểm yếu

Hoạt động của Hội đồng trường đánh giá theo năm học, chưa đánh giá theo học kỳ nên chưa thật sát với một số hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2019 – 2020 xây dựng kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường, chỉ rõ thời gian rà soát, đánh giá hoạt động theo học kỳ để bám sát mọi hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định: Chi bộ Đảng nhà trường có 37 đảng viên, Ban chi ủy được bầu trong Đại hội nhiệm kỳ 2015 – 2020 và được Huyện ủy Đan Phượng chuẩn y gồm 5 đồng chí [H1-1.3-01]. Công đoàn có Ban chấp hành được bầu trong Đại hội nhiệm kỳ 2017 – 2022 và được BCHCD ngành giáo dục Hà Nội chuẩn y gồm 5 đồng chí [H1-1.3-02]. Đoàn TNCS nhà trường có Ban chấp hành được Đại hội đoàn trường theo năm học bầu và được Huyện đoàn Đan Phượng chuẩn y, gồm 15 người (giáo viên và học sinh) [H1-1.3-03]. Ban đại diện CMHS nhà trường được Hội nghị CMHS bầu theo từng năm học, gồm đại diện của cả 3 khối lớp để phối hợp với nhà trường giáo dục học sinh [H1-1.3-04].

Các tổ chức chính trị, xã hội của nhà trường: Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các hội đồng khác hoạt động theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ. Chi bộ đảng hoạt động theo đúng Điều lệ đảng [H1-1.3-05]. Công đoàn hoạt động theo đúng Luật và Điều lệ Công đoàn [H1-1.3-06]. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng [H1-1.3-07]. Ban đại diện CMHS hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ GD&ĐT ban hành.

Hàng năm, Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội CMHS nhà trường đều có rà soát, đánh giá các mặt hoạt động của tổ chức mình để rút kinh nghiệm và đề ra kế hoạch phù hợp cho các năm tiếp theo đồng thời làm cơ sở đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá, xếp loại [H1-1.3-08].

Mức 2:

Chi bộ đảng có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp từ 2014 đến 2018 đều được Huyện ủy Đan Phượng đánh giá là Tổ chức cơ sở đảng “Trong sạch vững mạnh” và “ Hoàn thành tốt nhiệm vụ ” [H1-1.3-09].

Công đoàn, Đoàn TNCS, Hội CMHS hằng năm đều tích cực phối kết hợp với Ban giám hiệu, đóng góp hiệu quả cho hoạt động dạy và học, hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.3-10].

Mức 3:

Chi bộ đảng có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp từ 2014 đến 2018 đều được huyện ủy Đan Phượng đánh giá là Tổ chức cơ sở đảng “Trong sạch vững mạnh” [H1-1.3-09]

Công đoàn, Đoàn TNCS, Hội CMHS hằng năm đều tích cực phối kết hợp với Ban giám hiệu, đóng góp hiệu quả cho hoạt động dạy và học, hoạt động giáo dục của nhà trường và nhiều hoạt động hữu ích cho cộng đồng. Hằng năm, Công đoàn tham gia ủng hộ quỹ Đền ơn đáp nghĩa tại xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng vận động đoàn viên ủng hộ để giúp đỡ các vùng bị thiên tai, vùng giáo dục khó khăn; Đoàn TNCS kết hợp với Đoàn xã tổ chức nhiều buổi tổng vệ sinh nghĩa trang liệt sĩ, dọn vệ sinh khu vực đường phố trên tuyến đường, vận động đoàn viên, thanh niên mua tấm ủng hộ Hội người mù huyện Đan Phượng [H1-1.3-11].

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội CMHS hoạt động theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ trường trung học, đóng góp có hiệu quả cho mọi hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

3. Điểm yếu

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tiếp theo, chi bộ đảng nhà trường tiếp tục lập Kế hoạch hoạt động, đảm bảo vai trò lãnh đạo, chỉ đạo mọi tổ chức, đoàn thể, mọi hoạt động trong nhà trường để thực hiện và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban giám hiệu Nhà trường hiện có 1 Hiệu trưởng [H1-1.4-01] và 02 Phó Hiệu trưởng [H1-1.4-02], đảm bảo số lượng theo đúng Điều lệ.

Nhà trường có 5 tổ chuyên môn: tổ Toán, tổ Lý - Tin - Công nghệ, Tổ Văn - Sử - Địa, tổ Hóa-Sinh-GDTC- GDQP, tổ Ngoại ngữ - GD CD và tổ Văn phòng. Các thành viên của Ban giám hiệu sinh hoạt trong các tổ chuyên môn theo môn dạy. Tổ Văn phòng bao gồm các nhân viên: Kế toán, tạp vụ, bảo vệ, y tế, văn thư kiêm thủ quỹ. Mỗi tổ có 1 tổ trưởng, 1 tổ phó, được bổ nhiệm theo năm học trên cơ sở lấy ý kiến từ tổ [H1-1.4-03].

Các tổ chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ theo năm học và từng tháng; Hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên; Xây dựng và thực hiện Kế hoạch giảng dạy và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường; Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ, tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học và các quy định khác hiện hành; Giới thiệu tổ trưởng, tổ phó; Báo cáo thực hiện nhiệm vụ được giao; Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên. Tổ Văn phòng thực hiện các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, đáp ứng các yêu cầu để phục vụ tốt cho hoạt động dạy học của nhà trường [H1-1.4-04].

Mức 2:

Hằng năm, trong kế hoạch của các tổ chuyên môn có thực hiện hoạt động chuyên đề theo tháng, đúng theo công văn 5555/BGD&ĐT ngày 8/10/2014 nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho giáo viên và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-05].

Trong cuộc họp chuyên môn hằng tháng, hoạt động của các tổ, nhóm chuyên môn được rà soát, đánh giá và rút kinh nghiệm, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp [H1-1.4-06].

Mức 3:

Các hoạt động chuyên môn, chuyên đề của tổ, nhóm chuyên môn đã góp phần quan trọng trong nâng cao chất lượng dạy và học. Tổ văn phòng phục vụ có hiệu quả các hoạt động chuyên môn, đóng góp cho quá trình nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.4-07].

Các chuyên đề chuyên môn được thực hiện có hiệu quả, đặc biệt là các chuyên đề cấp trường vừa đảm bảo tính khoa học chuyên ngành vừa hấp dẫn, sinh động và có tính giáo dục cao [H1-1.4-07].

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng có cơ cấu tổ chức và kế hoạch hoạt động theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng đều thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Còn chừa thường xuyên rà soát đánh giá hoạt động của các thành viên trong các tổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các năm học tiếp theo, Ban giám hiệu nhà trường tiếp tục chỉ đạo thực hiện đúng quy định về cơ cấu của các tổ chuyên môn; ngay từ đầu các năm học, lập Kế hoạch chuyên môn, chỉ đạo triển khai sinh hoạt chuyên đề ở các tổ để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Theo từng năm học, nhà trường luôn đảm bảo đủ 3 khối lớp 10, 11, 12 của cấp học THPT [H1-1.5-01].

Học sinh trong trường được biên chế theo đơn vị lớp học. Các lớp trong trường được tổ chức theo Điều lệ: Mỗi lớp học có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp học được chia thành 04 tổ và có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-02].

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Với sự chỉ đạo của giáo viên chủ nhiệm, lớp trưởng cùng đội ngũ cán bộ lớp triển khai quản lý tài sản trên phòng học, cùng các thành viên trong lớp quản lý việc học tập, lao động, tham gia các hoạt động giáo dục của học sinh trong lớp. Hằng tuần, trong giờ sinh hoạt, học sinh đánh giá, nhận xét, xếp loại thi đua của các tổ và các thành viên đồng thời đề ra kế hoạch thực hiện các hoạt động của tuần học tiếp theo [H1-1.5-03]. Tuy nhiên ở một vài lớp, năng lực của đội ngũ cán bộ lớp còn hạn chế, ý thức của học sinh trong lớp chưa cao nên việc thực hiện nguyên tắc tự quản còn hạn chế, phải có sự chỉ đạo thường xuyên của giáo viên chủ nhiệm và kiểm tra thường xuyên của nhà trường [H1-1.5-02].

Mức 2:

Năm học 2019– 2020 nhà trường có 38 lớp, các năm học trước đó số lớp trong trường đều dưới 38 lớp. Mỗi lớp có số học sinh dưới 45 em, theo đúng Điều lệ [H1-1.5-04].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học THPT. Số lớp trong trường dưới 45 lớp. Số học sinh trong mỗi lớp dưới 45 em. Các lớp hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu

Ở một vài lớp, năng lực của đội ngũ cán bộ lớp còn hạn chế, ý thức của học sinh trong lớp chưa cao nên việc thực hiện nguyên tắc tự quản còn hạn chế, phải có sự chỉ đạo thường xuyên của giáo viên chủ nhiệm và kiểm tra thường xuyên của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tiếp theo, Ban giám hiệu nhà trường sẽ phân công đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục học sinh trực tiếp lập kế hoạch, chỉ đạo đối với các lớp mà giáo viên chủ nhiệm và học sinh chưa thực

hiện tốt nguyên tắc tự quản, đề xuất các biện pháp xử lý đối với các hiện tượng cố tình không khắc phục, thay đổi.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có lưu trữ đủ các hồ sơ, văn bản theo quy định. Những hồ sơ liên quan đến công tác giảng dạy và giáo dục đạo đức được lưu trữ tại Văn phòng nhà trường; Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục lưu trữ tại phòng Thiết bị; Sổ quản lý tài chính lưu trữ tại phòng Kế toán; Hồ sơ quản lý thư viện lưu trữ tại Thư viện; hồ sơ theo dõi sức khoẻ học sinh được lưu trữ tại phòng Y tế [H1-1.6-01]. Tuy nhiên, từ khi thành lập đến nay nhà trường có thay đổi địa điểm, xây dựng cơ bản nhiều lần nên một số hồ sơ lưu trữ bị rách nát, ố màu.

Các hoạt động tài chính được thực hiện đúng theo quy định, có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản. Các khoản thu nhập của cán bộ, giáo viên, nhân viên được niêm yết công khai hằng tháng [H1-1.6-02]. Mỗi năm thực hiện kiểm kê tài sản 2 lần, có sự giám sát của thanh tra nhân dân [H1-1.6-03]. Từng năm, quy chế chi tiêu nội bộ được công

khai lấy ý kiến cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường và được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế, các quy định hiện hành [H1-1.6-04].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, đúng theo dự toán đã được Sở GD&ĐT phê duyệt hàng năm. Việc quản lý, sử dụng tài chính đúng quy định đã phục vụ hiệu quả cho các hoạt động giáo dục [H1-1.6-05].

Mức 2:

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Phần mềm eSAMS được sử dụng trong quản lý các hồ sơ giáo viên, học sinh trong dạy và học; phần mềm quản lý cơ sở vật chất được cập nhật thường xuyên để quản lý chặt chẽ tài sản; các phần mềm kế toán được sử dụng để quản lý, sử dụng tài chính phục vụ mọi hoạt động của nhà trường [H1-1.6-06].

Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2015 – 2016 đến hết năm học 2018 – 2019, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-07].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đúng theo quy định. Các hoạt động quản lý tài chính, tài sản thực hiện đúng quy định của các cấp và phục vụ có hiệu quả cho hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Trong quá trình lưu trữ, một số hồ sơ bị rách nát, ố màu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 – 2020, nhà trường sẽ bố trí thêm các tủ sắt, sắp xếp vị trí tại nơi khô ráo để lưu trữ hồ sơ cho đảm bảo an toàn và đảm bảo được chất lượng các hồ sơ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, trong kế hoạch chung của nhà trường đều có kế hoạch bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01].

Đầu các năm học, Ban giám hiệu căn cứ trên đề xuất của các tổ chuyên môn có phân công nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo phù hợp với trình độ, năng lực, hoàn cảnh của từng cá nhân [H1-1.7-02]. Tuy nhiên ở một số nhóm chuyên môn do năng lực của giáo viên không đồng đều nên còn hiện tượng chênh lệch về số tiết dạy/tuần [H1-1.7-03]. Trong năm học, Ban giám hiệu có những điều chỉnh để phù hợp với thực tế của nhà trường, góp phần quan trọng đảm bảo có hiệu quả cho mọi hoạt động.

Các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường đều được tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất và tinh thần theo Điều lệ trường trung học, cụ thể: Được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm [H1-1.7-04]; Được tham gia quản lý nhà trường thông qua các tổ chuyên môn; Được hưởng đủ lương, phụ cấp [H1-1.7-05] và được cử đi học, đi bồi dưỡng, tham dự các hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành [H1-1.7-02]; Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, an toàn thân thể; Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Mức 2:

2. Điểm mạnh

Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo đúng quy định. Việc phân công, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý.

3. Điểm yếu

Ở một số nhóm chuyên môn do năng lực của giáo viên không đồng đều nên còn hiện tượng chênh lệch về số tiết dạy/tuần

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo, Ban giám hiệu nhà trường đã lập kế hoạch để phân công các giáo viên năng lực chuyên môn còn

hạn chế chịu trách nhiệm giảng dạy các chuyên đề ngoài giờ lên lớp để đạt yêu cầu về số tiết dạy/tuần.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch giáo dục. Kế hoạch phù hợp với quy định hiện hành của các cấp có thẩm quyền, tình hình kinh tế, xã hội của huyện Đan Phượng và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đúng, đủ theo năm học, được thực hiện qua việc dạy và học trong giờ học [H1-1.8-02] và được thực hiện qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp như: tuyên truyền giáo dục pháp luật cho học sinh, giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động ngoại khóa ngoài nhà trường [H1-1.8-03].

Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá theo từng tháng và được điều chỉnh khi cần thiết, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế nhà trường. Tuy nhiên việc rà soát, đánh giá chưa được ghi chép cụ thể, riêng biệt bằng văn bản, mới chỉ thể hiện chung trong các biên bản họp trung tâm hằng tháng, khi đánh giá các hoạt động đã triển khai và chuẩn bị cho các hoạt động của tháng tiếp theo [H1-1.8-04].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục theo từng năm học, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả thông qua các danh hiệu, các giấy khen nhà trường được nhận [H1-1.8-05]. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định: hằng năm có đăng ký dạy thêm học thêm và được Sở GD&ĐT Hà Nội cấp giấy phép; việc thu chi đúng theo quyết định 22 của UBND thành phố [H1-1.8-06].

2. Điểm mạnh

Có kế hoạch giáo dục, phù hợp với quy định và điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường. Hằng năm, kế hoạch được thực hiện đầy đủ, được rà soát, đánh giá và điều chỉnh

3. Điểm yếu

Việc rà soát, đánh giá kế hoạch giáo dục chưa được ghi chép cụ thể, riêng biệt bằng văn bản, mới chỉ thể hiện chung trong các biên bản họp trung tâm hằng tháng, khi đánh giá các hoạt động đã triển khai và chuẩn bị cho các hoạt động của tháng tiếp theo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo, Ban giám hiệu sẽ chỉ đạo bộ phận thư ký ghi chép cụ thể, riêng biệt bằng văn bản việc rà soát, đánh giá kế hoạch giáo dục để lấy đó làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp tình hình thực tế của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, ngay đầu các năm học, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch năm học; được đóng góp ý kiến điều chỉnh nội quy, các quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế hoạt động của nhà trường thông qua tổ, nhóm chuyên môn [H1-1.9-01].

Các kiến nghị, ý kiến phản ánh của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong Hội nghị cán bộ, viên chức [H1-1.9-02], Hội nghị Công đoàn, các cuộc họp Hội đồng giáo dục đều được ghi vào biên bản, được Ban giám hiệu giải quyết đúng thẩm quyền, đúng quy định. Trong các năm học từ 2013 – 2014 đến 2017 – 2018 nhà trường không có khiếu nại, tố cáo.

Hằng năm, nhà trường có báo cáo Sở GD&ĐT về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đồng thời trong công tác kiểm tra nội bộ luôn có nội dung tự kiểm tra về thực hiện quy chế dân chủ [H1-1.9-03].

Mức 2:

Các hoạt động trong nhà trường như phân công chuyên môn, sửa chữa cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, công tác tổ chức cán bộ đều được thực hiện trước sự giám sát của Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân [H1-1.8-04]. Quá trình và kết quả của các hoạt động đều được công khai, minh bạch trước hội đồng giáo dục [H1-1.9-04]. Trong 5 năm qua nhà trường không có mất đoàn kết nội bộ, không có khiếu nại, tố cáo .

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của nhà trường. Mọi ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được giải quyết công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền. Việc thực hiện quy chế dân chủ được báo cáo đầy đủ tới các cấp có thẩm quyền.

3. Điểm yếu

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo, cấp ủy đảng sẽ tiếp tục chỉ đạo Ban giám hiệu, công khai minh bạch mọi hoạt động nhà trường; lấy ý kiến của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khi xây dựng kế hoạch, quy chế hoạt động, đảm bảo thực hiện đúng quy chế dân chủ ở cơ sở.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng đã phân công cho 01 đồng chí Phó hiệu trưởng phụ trách công tác an ninh trật tự, an toàn trường học [H1-1.10-01]. Hàng năm đồng chí Phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng, chống cháy nổ; phòng, chống các hiểm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; phòng, chống các tệ nạn xã hội, chống bạo lực trong nhà trường và triển khai thực hiện đồng bộ trong toàn trường [H1-1.10-02].

Nhà trường có hộp thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh mọi công dân [H1-1.10-03]. Hộp thư góp ý được treo tại đầu hồi tầng 1 dãy phòng học của học sinh, hộp thư đã thực sự là cầu nối, là nơi chuyển những đề nghị, kiến nghị của công dân tới nhà trường. Ngoài ra, nhà trường có sự kết hợp chặt với công an xã Tân Lập để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho học sinh toàn trường là hoạt động thường niên trong nhà trường. Nhiều năm qua trong nhà trường không có hiện tượng kỳ thị hay hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-04].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường phối kết hợp với các cơ quan chuyên môn như công an xã Tân Lập, đội phong trào, đội cảnh sát giao thông, đội cảnh sát Phòng cháy chữa cháy công an Đan Phượng, trạm y tế xã Tân Lập và trung tâm y tế huyện Đan Phượng về tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tư vấn kiến thức và kỹ năng phòng, chống tệ nạn và dịch bệnh nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường [H1-1.10-05].

Ban giám hiệu chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm thường xuyên tuyên truyền và hướng dẫn, nắm bắt biểu hiện tâm lý học sinh [H1-1.10-06]; Đoàn thanh niên kiểm tra việc thực hiện nội quy, nề nếp học sinh; bảo vệ trực, quan sát các khu

vực có học sinh tham gia học tập, rèn luyện [H1-1.10-07] nếu có biểu hiện bất thường ở học sinh sẽ ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Những năm qua, trường là đơn vị làm tốt công tác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn trường học, nhiều năm liền được công an thành phố, UBND thành phố tặng giấy khen [H1-1.10-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch cụ thể, ban giám hiệu chỉ đạo sát sao, đề cao tinh thần chủ động, tích cực trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đối với công tác giữ gìn, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Những học sinh khuyết tật được thầy cô và các bạn trong lớp, trong trường đặc biệt quan tâm giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện và trong sinh hoạt hàng ngày.

3. Điểm yếu

Một số ít học sinh còn vi phạm các lỗi như ăn quà vặt, nói chuyện riêng trong lớp

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 – 2020, giao nhiệm vụ cho Đoàn TNCS tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, rèn tính kỷ luật đối với học sinh. Tăng cường sự kết hợp đồng bộ của các bộ phận trong nhà trường để giáo dục và nâng cao ý thức cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Nhà trường có Chi bộ Đảng lãnh đạo mọi hoạt động của các tổ chức, đoàn thể như Công đoàn, Đoàn TNCS. Hội đồng trường hoạt động theo đúng Điều lệ. Đội ngũ cán bộ quản lý đảm bảo về số lượng, chất lượng. Đội ngũ giáo viên, nhân viên đảm bảo trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn, được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ. Học sinh nhà trường được được biên chế theo lớp, lớp học được quản lý trên nguyên tắc tự quản, dân chủ. Ở một số nhóm chuyên môn do năng lực của giáo viên không đồng đều nên còn hiện tượng chênh lệch về số tiết dạy/tuần

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Trường THPT Tân Lập - Đan Phượng có truyền thống 17 năm xây dựng và phát triển. Với một đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tận tụy, yêu nghề, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường đều thực

hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ trường trung học. Tỷ lệ giáo viên, nhân viên của trường có trình độ đạt chuẩn 100% và giáo viên trên chuẩn là 40,02%.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng nhà trường có số năm dạy học trên 30 năm [H2-2.1-01]. Hai đồng chí Phó Hiệu trưởng đều có số năm dạy học từ 15 năm trở lên [H2-2.1-02]. Hai đồng chí trong Ban giám hiệu có bằng Thạc sĩ [H2-2.1-03].

Hàng năm, đồng chí Hiệu trưởng được đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, các đồng chí Phó Hiệu trưởng đạt mức cao của chuẩn nghề nghiệp và đủ năng lực đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H2-2.1-04].

Đồng chí Hiệu trưởng và 2 đồng chí Phó Hiệu trưởng nhà trường tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Có 2 đồng chí trong Ban giám hiệu hiện có bằng trung cấp lý luận chính trị [H2-2.1-05].

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện tốt các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường trung

học và các quy định khác của Bộ GD&ĐT. Tất cả 3 đồng chí trong Ban giám hiệu đều có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn.

3. Điểm yếu

Trong Ban giám hiệu hiện còn có đồng chí chưa có bằng trung cấp lý luận chính trị và chưa có đồng chí nào có bằng cao cấp lý luận chính trị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 – 2020, Ban giám hiệu sẽ lập kế hoạch, sắp xếp thời gian để tạo điều kiện cho 01 đồng chí theo học lớp Cao cấp chính trị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường hiện có 68 giáo viên giảng dạy các môn học theo quy định của chương trình giáo dục trung học phổ thông. Việc phân công trách nhiệm giáo viên giảng dạy các bộ môn đều làm đúng qui định, 100% giáo viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên ngành[H2-2.2-01]. Bí thư Đoàn trường là giáo viên, được bồi dưỡng về công tác Đoàn

100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên theo quy định; 29 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn (thạc sỹ) chiếm tỷ lệ 42,6%. [H2-2.2-01].

Cuối mỗi năm học nhà trường đều đánh giá kết quả, xếp loại giáo viên, đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Hàng năm, 100% giáo viên được xếp mức đạt trở lên theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học. [H2-2.2-02].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính từ năm học 2015 – 2016 đến 2018 - 2019, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp. [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính từ năm học 2015 – 2016 đến 2019 – 2020, 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên theo quy định, trong đó có trên 80% đạt mức khá trở lên [H2-2.2-02]

Giáo viên nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm. Hàng năm nhà trường đều tổ chức các hoạt động tham quan ngoại khóa, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo các chủ đề hàng tháng với sự tham gia của nhiều giáo viên của các tổ chuyên môn. Giáo viên chủ nhiệm các lớp phải tham gia giảng dạy, tổ chức các hoạt động hướng nghiệp theo chủ đề tại lớp mình. Giáo viên chủ nhiệm lớp 12 nắm chắc quy chế tuyển sinh đại học, quy chế thi THPT quốc gia, hiểu rõ về quy chế tuyển sinh của các trường đại học để tư vấn cho học sinh trong mùa tuyển sinh, làm hồ sơ thi, đồng thời phải hiểu đặc điểm ngành nghề, năng lực của học sinh lớp mình chủ nhiệm để định hướng phân luồng cho học sinh [H2-2.2-03]; Nhà trường có giáo viên tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học và đạt giải cấp thành phố [H2-2.2-04]; trong 05 năm qua, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên[H2-2.2-01].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên có trình độ đào tạo đều đạt chuẩn, giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn chiếm tỷ lệ cao.

Hàng năm, giáo viên được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức khá trở lên đạt tỷ lệ cao.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có giáo viên chuyên trách làm công tác tư vấn tâm lý học đường cho học sinh.

Nhà trường không có giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 - 2020, Ban giám hiệu sẽ tiếp tục tuyên truyền quán triệt thực hiện nề nếp kỷ cương trong chuyên môn, làm tốt công tác động viên khích lệ và thực hiện chế độ khen thưởng, ưu đãi hù hợp, xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện, động viên giáo viên tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia nghiên cứu khoa học. Tổ chức cho giáo viên tham quan học hỏi kinh nghiệm ở các trường bạn.

Nhà trường đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội xin biên chế vị trí việc làm giáo viên chuyên trách làm công tác tư vấn tâm lý học đường cho học sinh. Mặt khác, tiếp tục hoàn thiện tổ tư vấn học đường gồm các giáo viên có kinh nghiệm sư phạm, tâm huyết với nghề, nắm vững tâm lý học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay nhân viên nhà trường có 10 nhân viên, trong đó 01 nhân viên làm công tác văn thư, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên y tế trường học, 01 nhân viên thiết bị, 01 nhân viên phục vụ, 04 nhân viên bảo

vệ [H2-2.2-01]. Nhân viên thư viện, văn thư, thiết bị dạy học có trình độ đại học; nhân viên y tế có trình độ trung cấp theo đúng chuyên môn; các nhân viên khác đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công việc [H2-2.2-01].

Các nhân viên được phân công nhiệm vụ theo đúng năng lực, trình độ chuyên môn và hợp đồng tuyển dụng [H2-2.3-01].

Nhân viên của tổ văn phòng trong nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Hằng năm 100% nhân viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02]. Tuy nhiên, trình độ CNTT của một số nhân viên còn chưa tốt nên việc ứng dụng vào công việc chưa hiệu quả.

Mức 2:

Số lượng nhân viên là 10 đồng chí và phân công nhiệm vụ cho từng nhân viên theo công việc đúng theo Điều 17 Điều lệ trường phổ thông [H2-2.3-03].

Trong 05 năm liên tiếp tính từ năm học 2014 – 2015 đến 2018 - 2019, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật [H2-2.2-01].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Số lượng, cơ cấu nhân viên được đảm bảo theo quy định. Tất cả các nhân viên của tổ văn phòng đều được làm việc theo đúng chuyên môn được đào tạo; trong công tác nhiệt tình, có trách nhiệm.

3. Điểm yếu

Công tác tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa được làm thường xuyên, trình độ CNTT còn chưa cao nên việc ứng dụng CNTT vào làm việc chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020, Ban giám hiệu nhà trường tăng cường hơn nữa việc quản lý hoạt động của các nhân viên tổ văn phòng, tiếp tục tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT cho nhân viên, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tất cả học sinh của nhà trường đều đảm bảo đúng theo quy định về tuổi học sinh cấp trung học cơ sở như điều 37 của Điều lệ trường trung học [H2-2.4-01]

Học sinh của nhà trường thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường (kế hoạch). Học sinh biết kính trọng cha mẹ, thầy cô giáo, cán bộ công nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, thực hiện nội quy nhà trường và chấp hành pháp luật của nhà nước. Học sinh biết rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Học sinh được tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường, của lớp, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; tham gia các công tác xã hội như bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Học sinh có ý thức giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; xây dựng và phát huy truyền thống nhà trường [H2-2.04-02]. Tuy nhiên còn một số học sinh chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ về học tập và rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền như được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được tạo điều kiện về cơ sở vật chất, được cung cấp thông tin về việc học của mình, được sử dụng các trang thiết bị phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao. Học sinh được tôn trọng, đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật; được giáo dục kỹ năng sống [H2-2.04-02]. Học sinh được nhận học bổng hoặc trợ cấp theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H2-2.4-03].

Mức 2:

Một số học sinh vi phạm các hành vi không được làm như nghe nhạc, nói chuyện riêng, ăn quà trong giờ học đều được giáo viên phát hiện kịp thời và nhà trường đã xử lý bằng nhiều hình thức khác nhau như: viết bản tự kiểm, mời phụ huynh trao đổi, giáo dục nhắc nhở; đa số các em đều có sự chuyển biến tích cực, nhận ra lỗi sai và không tái phạm [H2-2.4-04].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Học sinh nhà trường được hưởng đầy đủ quyền lợi học tập, vui chơi, phát triển năng khiếu; thực hiện các nhiệm vụ của học sinh theo Điều lệ trường trung học và các quy định khác về pháp luật.

3. Điểm yếu

Còn một số học sinh chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ về học tập và rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giáo viên tăng cường tích cực hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh qua các tiết dạy. Để cải thiện một số điểm yếu của học sinh, nhà trường xây dựng kế hoạch kết hợp chương trình giáo dục kỹ năng sống của Bộ Giáo dục và Đào tạo với chương trình giáo dục kỹ năng mềm mà giáo viên của trường tự học, tự nghiên cứu và xây dựng thành chuyên đề giáo dục học sinh.

Giáo viên chủ nhiệm tăng cường quản lý, giáo dục học sinh.

Tăng cường mối liên hệ với cha mẹ học sinh, phát huy vai trò của đội ngũ tự quản.

Phát huy vai trò của đội xung kích tình nguyện: Kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện nội quy của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2: Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được đánh giá loại xuất sắc hằng năm; được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục theo quy định. Giáo viên của trường đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Xếp loại chung cuối năm học của giáo viên đạt và vượt quy định. Đội ngũ nhân viên của trường có đủ về số lượng và trình độ theo quy định, hoàn thành các nhiệm vụ được phân công. Học sinh nhà trường thực hiện tốt nội quy, được thực hiện đủ quyền lợi theo Điều lệ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu: Cảnh quan nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thoáng mát. Nhà trường chú trọng, đầu tư về cơ sở vật chất phục vụ cho mọi hoạt động. Thư viện đạt chuẩn, hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng yêu cầu dạy học và quản lý. Trang thiết bị dạy học luôn được nâng cấp và bổ sung góp phần nâng cao hiệu quả của việc dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6m^2$ /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10m^2$ /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có diện tích 22.000 m², khuôn viên, khung cảnh sư phạm tốt: Xanh, sạch, đẹp, sáng, thoáng mát [H3-3.1-01].

Nhà trường có cổng, biển tên trường, tường rào cao 2,5m. Hàng rào bao quanh mới được xây dựng, cải tạo, cách ly với khu dân cư, đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học [H3-3.1-02].

Khu sân chơi có hoa, cây xanh, ghế đá và đảm bảo vệ sinh [H3-3.1-03].

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Môi trường, cảnh quan sư phạm xanh, sạch đẹp; cổng trường, biển trường, tường rào đúng quy định.

3. Điểm yếu

Do trường được xây dựng lâu đã xuống cấp, hệ thống cửa mục nát, khuôn viên trường rộng không có nguồn kinh phí cải tạo, khu sân chơi bãi tập chưa có các thiết bị tập thể dục thể thao vì vậy chưa đáp ứng tốt điều kiện dạy và học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2020, nhà trường lập kế hoạch trình Sở GD&ĐT xin cấp kinh phí để cải tạo hệ thống cửa, mua sắm trang thiết bị thể dục thể thao, quy hoạch lại các khu sân chơi bãi tập đảm bảo khuôn viên xanh sạch đẹp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tâm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 27 phòng học để học 2 ca trong 1 ngày [H3-3.2-01]. Trong mỗi phòng học có trang bị đầy đủ hệ thống bàn ghế theo tiêu chuẩn học sinh trung học, kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế học sinh đảm bảo quy định theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT, ngày 16/6/2011 của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế; có hệ thống điện, quạt, chiếu sáng học đường theo đúng tiêu chuẩn, có 01 bộ bàn ghế của giáo viên, bảng viết chống lóa, máy chiếu Projector, cửa đi, cửa sổ, có nội quy học sinh niêm yết [H3-3.2-02]. Hệ thống cửa sổ, gạch lát nền của một số phòng trong khu phòng học xây dựng năm 2002 đã xuống cấp.

Nhà trường có 06 phòng bộ môn: 02 phòng thực hành tin học với 48 máy vi tính, 01 phòng học bộ môn Vật lý, 01 phòng học bộ môn Hóa học, 01 phòng học bộ môn Sinh học, 01 phòng học bộ môn Ngoại ngữ, 01 phòng học bộ môn Công nghệ [H3-3.2-03]. Các phòng đều đạt tiêu chuẩn để phục vụ học tập. Việc quản lý và sử dụng các khối phòng nói trên được thực hiện có hiệu quả và theo đúng các quy định hiện hành.

Phòng Đoàn được trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng phục vụ các hoạt động của thanh niên như máy tính, máy in. Thư viện rộng 120 m² bao gồm kho chứa sách và phòng đọc cho giáo viên và học sinh. Có 01 phòng truyền thống rộng 70m² với đủ thiết bị và tư liệu, hiện vật phong phú [H3-3.2-04].

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số phòng học để học sinh học 02 ca/ngày. Phòng bộ môn phát huy hiệu quả tốt trong khai thác sử dụng.

3. Điểm yếu

Hệ thống cửa sổ, gạch lát nền của một số phòng học đã xuống cấp, phòng truyền thống còn nghèo nàn, cửa bị mối mọt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 – 2020, Ban giám hiệu nhà trường sẽ lập tờ trình xin Sở GD&ĐT Hà Nội cấp kinh phí để cải tạo khu phòng học bị xuống cấp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Khối phòng hành chính - quản trị đầy đủ, có các trang thiết bị đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường, gồm: Phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; Văn phòng; Phòng họp Hội đồng; Phòng chờ của giáo viên; Phòng họp Tổ chuyên môn; Phòng y tế; Phòng Bảo vệ; Phòng truyền thống; Phòng Công đoàn; Văn phòng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Phòng khách; Nhà kho; Phòng tiếp dân đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường trung học [H3-3.2-01].

Khu để xe của giáo viên, nhân viên và học sinh có mái che, được bố trí tại sân trường, giáp với tường rào, đảm bảo an toàn, trật tự và cảnh quan nhà trường. Khu để xe của giáo viên, nhân viên rộng 200 m², khu để xe cho học sinh khoảng 400 m² [H3-3.3-01].

Nhà trường thường xuyên và định kỳ sửa chữa, thay thế các trang thiết bị trong các phòng thuộc khối hành chính-quản trị như máy tính, máy in, máy foto,

đương truyền internet đảm bảo điều kiện phục vụ cho các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, hệ thống máy tính trong một số phòng làm việc đã xuống cấp, chất lượng không đảm bảo nên thường xuyên phải sửa chữa, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện công việc [H3-3.3-02].

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Các phòng hành chính – quản trị được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ làm việc.

3. Điểm yếu

Hệ thống máy tính trong một số phòng làm việc đã xuống cấp, chất lượng không đảm bảo nên thường xuyên phải sửa chữa, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện công việc.

4. Kế hoạch cải chất lượng

Trong năm học 2019 – 2020, Ban giám hiệu nhà trường lập kế hoạch, đề xuất Sở GD&ĐT xin mua sắm 1 số máy tính mới phục vụ cho các hoạt động trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có khu vệ sinh riêng biệt cho giáo viên và học sinh, riêng biệt cho nam và nữ. Ở mỗi tầng nhà và mỗi khu vực sân tập thể dục thể thao đều có khu vệ sinh,

đủ nước, ánh sáng, đảm bảo vệ sinh, không làm ô nhiễm môi trường, phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.4-01].

Nhà trường có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hệ thống cung cấp nước sạch được lấy từ hệ thống nước máy của huyện [H3-3.4-02]. Nước uống tinh khiết được kiểm định theo định kì 2 lần/năm [H3-3.4-03]. Hệ thống thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước thải, không bị ngập úng khi trời mưa.

Rác thải được thu gom đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường. Các hành lang tại khu hiệu bộ, khu phòng học, khu nhà bộ môn, khu nhà tập đa năng đều có thùng đựng rác. Hằng ngày rác được thu gom, đổ vào xe rác của Công ty môi trường theo giờ quy định [H3-3.4-04].

Mức 2:

Khu vệ sinh của nhà trường được bố trí hợp lý, đảm bảo cảnh quan sư phạm, kết liền theo từng khu làm việc, khu phòng thực hành, khu phòng học, đảm bảo phục vụ cho hoạt động trong nhà trường [H3-3.4-01].

Nhà trường sử dụng hệ thống cấp nước sạch của Công ty nước sạch Đan Phượng [H3-3.4-02]; hệ thống thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước, không gây ngập úng, mất vệ sinh [H3-3.4-05]; thu gom và xử lý chất thải theo ngày, đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên và học sinh, riêng biệt cho nam và nữ. 100% nhà vệ sinh sạch và đảm bảo vệ sinh. Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo vệ sinh.

3. Điểm yếu

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm, Ban giám hiệu lập kế hoạch để phối kết hợp các lực lượng trong nhà trường giữ gìn vệ sinh chung, định kì sửa chữa, bảo dưỡng các khu nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước để đảm bảo phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các thiết bị văn phòng như: máy tính, máy in trong các phòng làm việc và phòng Thư viện; 01 máy foto, máy xén giấy tại Văn phòng; các loa đài cố định và di động, dàn âm thanh phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.5-01].

Nhà trường có đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Môn Ngoại ngữ được trang bị đài đĩa CD, Bảng thông minh, máy chấm trắc nghiệm. Môn Sinh học có nhiều bộ tranh phục vụ giảng dạy. Các thiết bị dạy học cho môn Vật lý, Công nghệ và Hóa học đáp ứng đủ nhu cầu của giáo viên và học sinh trong các giờ lý thuyết và thực hành. Các môn học khác như Toán học, Lịch sử, Văn học, Địa lý đều có đủ thiết bị tối thiểu [H3-3.5-01].

Việc kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học hằng năm được nhà trường thực hiện triệt để. Đầu các năm học, Ban giám hiệu xây dựng Kế hoạch quản lý, sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học và tổ chức triển khai tới các tổ chuyên môn. Ban giám hiệu chỉ đạo nhân viên Thiết bị tổ chức kiểm kê, rà soát theo định kì chất lượng, số lượng thiết bị dạy học. Căn cứ theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu nhân viên Thiết bị cùng các tổ chuyên môn đề xuất phương án sửa chữa, trang cấp, bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học phục vụ kịp thời cho dạy và học [H3-3.3-02].

Mức 2:

Để đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh, hệ thống máy tính của trường đều được nối mạng thuận lợi cho việc tra cứu và sử dụng các phần mềm trên Internet. Các phòng làm việc của BGH, của tổ văn phòng; Thư viện, phòng Tin học đều được trang bị máy tính kết nối Internet đảm bảo cập nhật, thông suốt thông tin cho công tác quản lý và dạy, học [H3-3.5-02].

08 phòng thực hành được trang bị đầy đủ thiết bị, đảm bảo đạt chuẩn, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học. Ngoài ra, còn có đủ các thiết bị theo quy định của Bộ GD&ĐT phục vụ cho tất cả các môn học trong thời khóa biểu của nhà trường [H3-3.2-03].

Hằng năm, nhà trường được bổ sung các trang thiết bị dạy học đảm bảo phục vụ cho yêu cầu đổi mới trong hoạt động dạy học. Các đồ dùng học tập do học sinh và giáo viên tự làm được nhà trường lựa chọn, đưa vào phòng thiết bị để sử dụng chung [H3-3.5-03]. Tuy nhiên hoạt động làm đồ dùng học tập chưa thường xuyên, chất lượng của các đồ dùng chưa cao.

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ thiết bị dạy học phục vụ cho việc giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh góp phần nâng cao chất lượng dạy học. Nhà trường định kỳ thực hiện việc kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học

3. Điểm yếu

Còn chưa có máy bắn tập cho môn GDQP, việc sử dụng đồ dùng dạy học hiện đại như máy chiếu, bảng thông minh của một số giáo viên cao tuổi chưa đạt hiệu quả do thiếu kỹ thuật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tiếp theo, ngay từ đầu năm học nhà trường lập kế hoạch và triển khai tập huấn cho giáo viên kỹ thuật ứng dụng PowerPoint để soạn giáo án, kỹ thuật sử dụng đầu chiếu projector, kỹ thuật sử dụng bảng thông minh ít nhất 1 lần/năm và tổ chức các giờ dạy mẫu có sử dụng kỹ thuật dạy học hiện đại. Từ đó nâng cao kỹ năng sử dụng thiết bị dạy học hiện đại cho tất cả giáo viên, để tất cả giáo viên, kể cả các đồng chí cao tuổi, sử dụng trang thiết bị dạy học hiện đại trong giảng dạy đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện được trang bị và bổ sung sách báo và tài liệu tham khảo định kỳ hằng năm. Đến nay, kho sách của trường có số lượng 2822 bản Sách giáo khoa, 993 Sách nghiệp vụ, 4941 Sách tham khảo, 30 bộ đĩa Giáo khoa, 06 đầu báo, tạp chí các loại. Thư viện có nội quy cụ thể quy định về hoạt động của thư viện. Tuy nhiên số lượng sách tham khảo trong thư viện chưa phong phú, chất lượng chưa cao [H3-3.6-01].

Hoạt động của thư viện nhà trường đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong trường. Hằng tháng thư viện phối hợp với Đoàn thanh niên Nhà trường giới thiệu sách đến với học sinh theo chủ đề từng tháng [H3-3.6-02]. Thư viện phục vụ bạn đọc các ngày trong tuần, từ thứ hai đến thứ bảy. Phòng kho được vệ sinh và sắp xếp gọn gàng thuận lợi cho việc lấy sách nhanh chóng, thuận tiện. Phòng đọc rộng rãi, thoáng mát với 05 máy tính nối mạng Internet và 40 chỗ ngồi cho giáo viên và học sinh thoải mái học tập và làm việc. Tại phòng đọc có 01 tủ trưng bày sách với những loại sách thông dụng như sách tra cứu, tủ sách giáo dục, tủ sách pháp luật, 01 tủ báo có các loại báo, tạp chí để phục vụ cho nhu cầu đọc của học sinh và giáo viên. Ngoài việc đọc tại chỗ, thư viện tạo điều kiện cho học sinh làm thẻ để có thể mượn sách về nhà nghiên cứu. Cuối mỗi năm học, thư viện đều có bản tổng kết về hoạt động thư viện [H3-3.6-03].

Hằng năm thư viện được kiểm kê, sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh

giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-01] và bổ sung các nguồn tư liệu từ ngân sách của nhà trường và quyên góp từ học sinh, cha mẹ học sinh [H3-3.6-04].

Mức 2:

Trong các năm trở lại đây, thư viện nhà trường đạt thư viện tiên tiến theo đúng tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông [H3-3.6-05].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Số lượng sách, báo, tạp chí và các hoạt động của thư viện đảm bảo phục vụ cho mọi hoạt động của nhà trường

3. Điểm yếu

Số lượng sách tham khảo thư viện chưa thật phong phú, chất lượng chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 – 2020, Ban giám hiệu nhà trường lập kế hoạch, tổ chức tuyên truyền sâu rộng hơn nữa trong và ngoài nhà trường về công tác thư viện trường học để huy động các nguồn lực ủng hộ, đóng góp nguồn tư liệu có chất lượng, việc xây dựng thư viện phát triển hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường có diện tích rộng, khung cảnh sư phạm đẹp, đủ sân chơi, bãi tập cho học sinh. Khối các phòng và trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy học đạt tiêu chuẩn. Thư viện đạt chuẩn với các hoạt động đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong trường. Các thiết bị dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học. Việc kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học được nhà trường thực hiện thường xuyên.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội được ban lãnh đạo nhà trường quan tâm, chú trọng. Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với ban đại diện CMHS, với các cơ quan đoàn thể, xí nghiệp, đơn vị trên địa bàn trong các hoạt động giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban đại diện CMHS nhà trường được kiện toàn tại hội nghị CMHS đầu các năm học và hoạt động theo Điều lệ trường trung học và Điều lệ Ban đại diện CMHS [H1-1.3-04]. Ban Đại diện CMHS mỗi lớp có 03 người do CMHS của lớp cử ra, trong đó có trưởng ban, phó trưởng ban và 01 uỷ viên [H4-1.1-01]. Hội nghị CMHS đầu năm bầu ra Ban đại diện CMHS nhà trường gồm có 05 người ở ba khối lớp, trong đó có 01 trưởng ban, 02 phó trưởng ban và 03 uỷ viên, mỗi người đều được phân công nhiệm vụ cụ thể [H4-4.1-01].

Trên cơ sở kế hoạch năm học của nhà trường, ban đại diện CMHS xây dựng và triển khai phương hướng hoạt động xuyên suốt năm học theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-02]

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động một cách hiệu quả theo đúng tiến độ, đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Nhà trường đã chủ động phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với gia đình và xã hội, xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm thực hiện mục tiêu và nguyên lý giáo dục [H1-1.3-04].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường để tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; bàn biện pháp giáo dục học sinh học lực yếu, giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tuyên dương những học sinh giỏi, đặc biệt là quan tâm đến những học

sinh thuộc diện đặc biệt như học sinh tuyển thẳng, khuyết tật, rối loạn tâm lý lứa tuổi [H1-1.10-04].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS nhà trường, Ban đại diện CMHS các lớp được kiện toàn đúng theo quy định và hoạt động theo Điều lệ, kết hợp chặt chẽ với nhà trường và có những biện pháp tích cực, thường xuyên trong việc giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu

Ban đại diện CMHS của một số lớp chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến cho nhà trường về công tác quản lý, công tác giảng dạy và công tác giáo dục học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo nhà trường sẽ có nhiều hình thức lấy ý kiến của CMHS về công tác quản lý, giảng dạy, giáo dục học sinh như: lấy ý kiến trực tiếp trong các cuộc họp, lấy ý kiến qua tin nhắn, lấy ý kiến bằng hình thức phiếu điều tra để tất cả CMHS đều đóng góp ý kiến cho nhà trường, giúp hoạt động của Ban đại diện CMHS đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

b) *Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

c) *Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

b) *Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công*

trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã phối hợp với UBND, Công an, Đoàn xã Tân Lập, Huyện đoàn Đan Phượng, Công an huyện Đan Phượng, các tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân có liên quan nhằm thống nhất quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu giáo dục. Đề xuất với cấp ủy, chính quyền xã Tân Lập các biện pháp để phát triển nhà trường như: Cải tạo hệ thống thoát nước trước cổng trường; Bảo vệ an ninh trật tự tại đoạn đường 21B chạy qua khu vực cổng trường vào các giờ vào học, tan học; Các biện pháp để giáo dục học sinh tại khu dân cư trong thời gian nghỉ hè [H4-4.2-01]

Nhà trường đã phối hợp với Hội CMHS, Hội cựu học sinh để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.2-02]; phối kết hợp với Đoàn TNCS xã Tân Lập để tuyên truyền, thực hiện các hoạt động giáo dục đoàn viên, thanh niên trong và ngoài nhà trường [H4-4.2-03].

Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, hợp pháp của các tổ chức và cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học: Bổ sung ghế đá ở khu vực sân trường cho học sinh [H4-4.2-04]; Bổ sung hệ thống cây xanh trong toàn trường; Khen thưởng, động viên học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc [H4-4.2-05]; Hỗ trợ về mặt vật chất và tinh thần cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Hàng năm tặng quà cho những học sinh nghèo vượt khó. Đảm bảo số tiền được ủng hộ chi cho đúng đối tượng. Tuy nhiên việc huy động các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân còn chưa đạt hiệu quả cao.

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động tham mưu cho các cấp chính quyền và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn

lực xã hội để thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục nhằm đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện dạy học, động viên, giúp đỡ những học sinh đạt thành tích và những học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu

Việc huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học còn chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 - 2020 và các năm học tiếp theo Ban giám hiệu có kế hoạch tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đối với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân, đặc biệt là các cựu học sinh để tăng cường huy động có hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Trong những năm qua, nhà trường luôn chủ động tạo dựng mối quan hệ với các tổ chức đoàn thể, ban đại diện CMHS, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục. Nhà trường đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nhằm tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp học tập, tạo điều kiện cho học sinh và các tổ chức, đoàn thể khác tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục. Tuy nhiên việc huy động các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao chất lượng giáo dục còn chưa đạt hiệu quả cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường nghiêm túc thực hiện nội dung chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Hà Nội. Các nội dung hướng nghiệp, trải nghiệm, giáo dục địa phương được đảm bảo đúng thời lượng. Các học sinh có năng khiếu hoặc gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện được tạo điều kiện để thực hiện quyền lợi, nghĩa vụ. Kết quả học lực khá giỏi, hạnh kiểm khá tốt của học sinh nhà trường trong những năm trở lại đây đạt mức cao.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, nhà trường đều lập kế hoạch thời gian năm học với biên chế thời gian, số tuần học từng học kỳ theo qui định của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT Hà Nội. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học, học kỳ về giảng dạy và học tập từng bộ môn, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, dạy nghề, hướng nghiệp, văn minh thanh lịch, đảm bảo mục tiêu giáo dục theo quy định của Luật [H5-5.1-01]. Vào đầu mỗi tháng, nhà trường đều xây dựng kế hoạch chi tiết tháng và thông báo công khai tại Bảng tin và thông báo tại phiên họp Hội đồng sư phạm [H5-5.1-02]. Việc triển khai các hoạt động giáo dục đúng theo kế hoạch thời gian năm học đã đề ra [H5-5.1-03].

Phục vụ cho giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, nhà trường đã lắp đặt máy chiếu Projector ở tất cả các phòng học văn hóa, hệ thống Wifi phủ sóng khu vực hiệu bộ, tổ chức các lớp bồi dưỡng công nghệ thông tin cho giáo viên. Tuy nhiên do đội ngũ giáo viên nhà trường nhiều người tuổi cao nên một số giáo viên chưa thay đổi được phong cách làm việc theo hướng sử dụng CNTT để giảng dạy. Giáo viên nhà trường đã áp dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực như tổ chức hoạt động nhóm, dạy học theo chuyên đề, dạy học theo dự án ... để phù hợp đối tượng học sinh từng lớp và khuyến khích học sinh tự học và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-04].

Nhà trường thực hiện đúng quy định của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THPT do Bộ GD&ĐT ban hành; đảm bảo đủ số lần kiểm tra thường xuyên,

kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành. Trong quá trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, đã kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan; dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng, hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình. Các đề kiểm tra theo hướng đảm bảo mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng. Thực hiện đánh giá bằng nhận xét đối với môn Thể dục. Đối với môn Giáo dục công dân, đã kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm mức độ đạt được về kiến thức và kỹ năng với việc theo dõi sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống và ý thức công dân của học sinh. Đối với một số môn khoa học xã hội như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí đã đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng hạn chế học sinh chỉ ghi nhớ máy móc chú trọng vận dụng kiến thức vào thực tế. Tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá bằng cách nêu vấn đề mở, hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập [H5-5.1-05].

Mức 2:

Việc thực hiện và triển khai chương trình, kế hoạch giáo dục đúng theo thời gian nhà trường đã xây dựng từ đầu các năm học. Các tổ chuyên môn đã xây dựng Phân phối chương trình, Kế hoạch giảng dạy, trong đó lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với đối tượng học sinh từng lớp và trong quá trình dạy học đã đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H5-5.1-06].

Hằng năm, Ban Giám hiệu chỉ đạo giáo viên giảng dạy tìm, phát hiện các học sinh có năng khiếu để bồi dưỡng, xây dựng đội tuyển học sinh giỏi các khối; chỉ đạo đội ngũ GVCN lập danh sách những học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện để phân công người giúp đỡ, kèm cặp [H5-5.1-07]; kết hợp Đoàn TNCS phát hiện và bồi dưỡng các học sinh có năng khiếu văn nghệ, hoạt động phong trào để tạo điều kiện cho các em tham gia nhiều hoạt động, phát huy năng lực học sinh.

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chỉ đạo thực hiện và quản lý tốt việc thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy và học tập; giáo viên thực hiện nghiêm túc các qui định về nề nếp hoạt động chuyên môn do Bộ GD&ĐT qui định.

3. Điểm yếu

Việc vận dụng kỹ thuật dạy học có ứng dụng CNTT trong giảng dạy của một số giáo viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 – 2020 Ban Giám hiệu nhà trường tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng công nghệ thông tin cho giáo viên. Cử cán bộ, giáo viên, nhân viên tham dự các lớp tập huấn do Sở GD&ĐT Hà Nội tổ chức. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý để giáo viên bắt buộc phải tiếp cận với công nghệ thông tin.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2 .

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, vào đầu năm học nhà trường xây dựng Kế hoạch giáo dục, trong đó có đối tượng học sinh thuộc diện gia đình hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện và triển khai tới các tổ chuyên môn; quan tâm đến hoạt động của các câu lạc bộ tạo điều kiện cho học sinh có năng khiếu tham gia [H5-5.2-01]. Trong các năm học, BCHCĐ đều phát động phong trào “Nhà giáo Hà Nội giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn” để giáo viên đăng ký giúp đỡ các học sinh [H5-5.2-02].

Trong năm học, các tổ chuyên môn thực hiện việc chọn học sinh bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém và giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Đoàn TNCS tổ chức, duy trì hoạt động của các CLB để những học sinh có năng khiếu có điều kiện được thể hiện và phát triển [H5-5.1-07].

Hằng năm, nhà trường rà soát, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục nói chung và đặc biệt là sự nỗ lực trong hoạt động giáo dục học sinh thuộc diện gia đình có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H1-1.10-04].

Mức 2:

Ngay từ đầu năm học thông qua việc khảo sát chất lượng đầu năm, giáo viên chủ nhiệm của các lớp nắm bắt từng đối tượng học sinh trong lớp, có kiến nghị với nhà trường cũng như tổ chuyên môn để có kế hoạch phân công giáo viên quan tâm, bồi dưỡng và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và tìm ra những học sinh có năng khiếu để kịp thời bồi dưỡng và rèn luyện kỹ năng, đáp ứng được mục tiêu giáo dục của nhà trường [H5-5.2-03].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Ban giám hiệu nhà trường đã triển khai, chỉ đạo sát sao hội đồng giáo dục nhà trường trong việc tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh có năng khiếu đạt giải cấp thành phố còn ít, xếp giải chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo, Ban giám hiệu sẽ lập kế hoạch để phối hợp với các đoàn thể, tổ chức trong, ngoài nhà trường như Hội CMHS, Hội cựu học sinh để cùng phối hợp các nguồn lực giúp học sinh có năng khiếu được tập luyện, học hỏi và thể hiện đúng năng lực.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thể hiện trong Kế hoạch chuyên môn của nhà trường, của một số tổ chuyên môn và được thực hiện nghiêm túc trong năm học. Nội dung giáo dục địa phương chủ yếu được thực hiện ở môn Lịch Sử, Địa lý. Ngoài ra còn lồng ghép và tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào các bộ môn văn hóa khác trong quá trình giảng dạy của giáo viên [H5-5.1-06].

Nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GD&ĐT qua các hình thức: Kiểm tra giáo án, dự giờ của giáo viên ở các môn học có nội dung giáo dục địa phương như Lịch Sử, Địa lý [H5-5.3-01]; Hướng dẫn học sinh viết bài thu hoạch sau khi đi tham quan, học tập tại các bảo tàng, di tích lịch sử, văn hóa của địa phương [H5-5.3-02].

Hằng năm, nhân viên thư viện và tổ, nhóm chuyên môn liên quan đến việc giảng dạy nội dung về giáo dục địa phương tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, để điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương như bổ sung vào tài liệu các báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội [H5-5.3-03]

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương đảm bảo phù hợp mục tiêu các môn học Lịch sử, Địa lý, gắn lý luận với thực tiễn giàu truyền thống văn hóa, lịch sử của huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội [H5-5.3-04].

2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt nội dung giáo dục địa phương. Nhà trường có đủ tài liệu nội dung giáo dục địa phương được Ban giám hiệu ký duyệt và thực hiện tổ chức giảng dạy nghiêm túc theo chương trình. Đã thực hiện việc lồng ghép và tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào các bộ môn văn hóa khác trong quá trình giảng dạy của giáo viên.

3. Điểm yếu

Việc đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương của các nhóm chuyên môn còn mang tính hình thức, chưa xây được nội dung giảng dạy tương xứng với truyền thống văn hóa, lịch sử của huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2019 – 2020 trở đi, Ban giám hiệu phân công tổ Sử - Địa - GDCD thu thập, cập nhật thông tin về tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương để có những đề xuất bằng văn bản, cụ thể, chi tiết khi điều chỉnh nội

dung giáo dục địa phương cho phù hợp tình hình thực tế của huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Ngay từ đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng nhà trường đều ra quyết định thành lập Ban hoạt động tập thể do một đồng chí Phó hiệu trưởng là trưởng ban. Ban hoạt động tập thể có trách nhiệm phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên, các tổ chuyên môn nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động tập thể, hoạt động hướng nghiệp trong cả năm học [H5-5.4-01].

Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc thi văn nghệ, thi học sinh thanh lịch, trò chơi dân gian như kéo co, đập niêu, múa sạp giữa các lớp trong trường... Thông qua các hoạt động giáo dục tuyên truyền, tác động nhận thức, thái độ, tình cảm, giúp học sinh phát triển toàn diện về nhân cách và góp phần ngăn ngừa, phòng chống các tệ nạn xã hội. Tích cực tham gia các cuộc thi do Sở GD&ĐT Hà Nội, Cụm Đan Phượng - Hoài Đức tổ chức như: Thi “Giai điệu tuổi hồng”; Hội thao Quốc phòng - An ninh; Trò chơi dân gian (kéo co, cướp cờ); Thi tìm hiểu Luật phòng chống ma túy, ...[H5-5.4-02]. Nhà trường đã kết hợp với trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Hà Tây tổ chức hoạt động dạy nghề hướng nghiệp cho 100% học sinh khối 11 với nghề nấu ăn [H5-5.4-03].

Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường đều có sự tham gia của các cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường. Các tổ chuyên môn có trách nhiệm xây dựng các chuyên đề phù hợp với các chủ đề hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động hướng nghiệp, như Tổ Sinh - Thể dục – Quốc phòng tổ

chức chuyên đề giáo dục sức khỏe sinh sản; Tổ Sử - Địa – Giáo dục công dân tổ chức chuyên đề về giáo dục pháp luật, Tổ Ngữ văn xây dựng chuyên đề về văn hóa dân gian... Các chuyên đề của các Tổ chuyên môn tổ chức cho toàn trường tạo được hứng thú trong học sinh, đồng thời trang bị được kiến thức phong phú cho học sinh [H5-5.4-04]. Giáo viên chủ nhiệm lớp 12 nắm rõ quy chế thi THPT Quốc gia, tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh để mỗi thầy cô phải là những nhà tư vấn cho học sinh trong việc viết hồ sơ đăng ký tuyển sinh, chọn trường chọn ngành. Giáo viên chủ nhiệm các lớp tham gia giảng dạy hướng nghiệp theo chủ đề hằng tháng tại lớp, tuy nhiên khả năng tổ chức giảng dạy hướng nghiệp chưa được đồng đều ở các lớp [H5-5.4-05].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động tập thể, thông qua các hoạt động này giáo dục các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh; phối hợp với các trường Đại học tư vấn lựa chọn nghề nghiệp cho học sinh khối 12. Hằng năm, đều tổ chức cho học sinh khối 12 tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh tại Đại học Bách khoa do Báo Tuổi trẻ và Bộ GD&ĐT phối hợp tổ chức [H5-5.4-04]. Việc giáo dục truyền thống, tham quan học tập, du lịch về nguồn được nhà trường phối hợp với cha mẹ học sinh cùng Đoàn trường thực hiện có hiệu quả. Hằng năm, nhà trường đã phối hợp với cha mẹ học sinh tổ chức cho học sinh tham quan Hoàng Thành, Khu di tích lịch sử K9, Đền thờ Chu Văn An, Côn Sơn, Kiếp Bạc. Nhà trường thực hiện việc giáo dục hướng nghiệp cho học sinh 3 khối theo các chủ đề đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT [H5-5.4-05].

Sau mỗi hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, sau mỗi học kỳ nhà trường đều tổ chức rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm để tổ chức tốt hơn cho các hoạt động sau [H5-5.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp góp phần rèn luyện kỹ năng sống và kỹ năng hoạt động xã hội cho học sinh, xây dựng cách ứng xử có văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau giữa các học sinh trong trường.

3. Điểm yếu

Tổ chức chưa được nhiều các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh toàn trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 – 2020, nhà trường tiếp tục phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp góp phần “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”, rèn luyện kỹ năng sống và kỹ năng hoạt động xã hội cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhằm định hướng cho học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, khả năng tiếp thu, nhận thức của học sinh, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương [H5-5.5-01].

Việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường, ngoài việc lồng ghép vào các môn học hàng ngày, hoạt động ngoài giờ lên lớp là một trong những con đường giáo dục có hiệu quả trong việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật để trang bị những kiến thức pháp luật có liên quan đến đời sống, học tập của học sinh góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; mời

báo cáo viên tuyên truyền luật giao thông cho học sinh để từ đó giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông, cách tự phòng tránh tai nạn giao thông. Đặc biệt các em đã hưởng ứng tốt việc chấp hành luật giao thông và tham gia thi An toàn giao thông đạt kết quả cao. Nhà trường tổ chức tuyên truyền phòng chống thiên tai rủi ro, kỹ năng phòng chống đuối nước, phòng chống tai nạn thương tích. [H5-5.4-04]

Xây dựng và hoàn thiện các quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường, bằng nhiều hình thức khác nhau, nhà trường thường xuyên tổ chức các chuyên đề giáo dục pháp luật, phòng chống HIV/AIDS vào các buổi sinh hoạt dưới cờ [H5-5.4-04]...; tổ chức cho cán bộ lớp tham quan di tích lịch sử ở địa phương, tham gia các hoạt động dọn vệ sinh bảo vệ môi trường, tổ chức các hoạt động quyên góp, ủng hộ giúp đỡ các vùng thiên tai, bão lụt, các học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Việc chú trọng giáo dục kỹ năng sống của nhà trường thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, dạy kỹ năng sống theo các chủ đề khác nhau đã giúp học sinh hình thành và phát triển tinh thần đoàn kết, gắn bó, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, học sinh nỗ lực tiếp thu bài giảng và tìm tòi những kiến thức liên quan đến bài học để liên hệ áp dụng vào thực tiễn, qua đó phát huy tình cảm thái độ ứng xử của học sinh phù hợp với những truyền thống văn hóa Việt Nam [H5-5.5-02].

Mức 2:

Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống học sinh sẽ tự hình thành kỹ năng tự kiểm soát quá trình học tập và rèn luyện của bản thân. Mỗi học sinh tự đánh giá kết quả của cả quá trình học tập và rèn luyện của mình trước tập thể lớp thông qua các giờ sinh hoạt cuối tuần [H5-5.5-03].

Học sinh biết cách giao tiếp ứng xử biết điều chỉnh, quản lý cảm xúc trong môi trường học đường, với bố mẹ, người lớn tuổi; có thể tự phục vụ bản thân trong cuộc sống, biết quản lý thời gian học tập và sinh hoạt có hiệu quả [H5-5.4-04].

Mức 3:

Thông qua các hoạt động giáo dục Kỹ năng sống một số học sinh bước đầu có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát [H5-5.5-04]. Tuy nhiên tỉ lệ học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ còn thấp

1. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ sở vật chất và điều kiện và tổ chức hiệu quả nhiều hoạt động để giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng hoạt động xã hội thông qua các các môn học trên lớp, trong các hoạt động ngoại khóa và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ điểm hằng tháng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và

kế hoạch của nhà trường.

2. Điểm yếu

Nhà trường có tỉ lệ học sinh có khả năng đáp ứng nghiên cứu khoa học, công nghệ còn thấp.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo, Nhà trường sẽ lập kế hoạch để phối kết hợp với Hội cha mẹ học sinh tăng cường các nguồn lực, động viên học sinh tham gia nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong 5 năm liên tiếp từ 2015 - 2016 đến 2019 - 2020 kết quả đánh giá, học lực khá giỏi đạt trên 80%, xếp loại hạnh kiểm khá tốt đạt trên 99% đáp ứng được mục tiêu GD [H5-5.2-03].

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt trên 90% không kể thí sinh tự do báo cáo kết quả học tập [H5-5.2-03].

Nhà trường chú trọng công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, góp phần phân luồng và chuẩn bị cho học sinh cuối cấp lựa chọn ngành nghề, học tiếp hoặc tham gia vào cuộc sống lao động phù hợp với năng lực của bản thân, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội [H5-5.6-01].

Mức 2:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực tăng dần trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H5-5.2-03].

Tỷ lệ học sinh lên lớp và đỗ tốt nghiệp tăng liên tiếp và đạt trên 90% [H5-5.2-03].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

- Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá và giỏi, hạnh kiểm khá và tốt cao.

3. Điểm yếu

Còn học sinh bỏ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo, Nhà trường sẽ lập kế hoạch để phối kết hợp với Hội cha mẹ học sinh tăng cường tuyên truyền, giáo dục đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống cho học sinh; tạo những sân chơi lành mạnh, bổ ích, hứng thú để học sinh tham gia, nhằm hạn chế tác động xấu của môi trường xã hội, giúp khắc phục hiện tượng bỏ học.

4. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường đã thực hiện đúng nội dung, chương trình giáo dục phổ thông; chú trọng phối kết hợp với các tổ chức, đoàn thể để giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp và trải nghiệm cho học sinh; tạo điều kiện cho học sinh có năng khiếu và các học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Kết quả xếp loại của học sinh về học lực và hạnh kiểm trong 5 năm trở lại đây có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn hiện tượng học sinh bỏ học. Hiện tượng này đang được nhà trường tích cực tìm các biện pháp phù hợp để giảm thiểu tối đa.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Hướng dẫn: Trường nhận thấy không đáp ứng yêu cầu của Mức 4 thì bỏ phần này.

Tiêu chí:.....

1. Mô tả hiện trạng

.....

2. Điểm mạnh

.....

3. Điểm yếu

.....

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

.....

5. Tự đánh giá: Đạt (hoặc không đạt)

.....

Kết luận đánh giá tiêu chí Mức 4:

Hướng dẫn: Nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những điểm yếu của các tiêu chí Mức 4; số lượng tiêu chí đạt yêu cầu, số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu.

.....

.....

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 8/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 28,6 %;

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 0/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0 %;

- Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 20/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 71,4 %;

+ Số lượng tiêu chí không đạt..... /28 tiêu chí, đạt tỷ lệ:.... %;

- Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt /20 tiêu chí, đạt tỷ lệ:.... %;

+ Số lượng tiêu chí không đạt..... /20 tiêu chí, đạt tỷ lệ:.... %;

- Mức 4: (nếu có)

+ Số lượng tiêu chí đạt tỷ lệ:.... %;

+ Số lượng tiêu chí không đạt..... tỷ lệ:.... %;

- Mức đánh giá của trường: Mức 1

Hướng dẫn: Trường được đánh giá đạt Mức 1 khi tất cả các tiêu chí của Mức 1 đạt; đạt Mức 2 khi đạt Mức 1 và tất cả các tiêu chí của Mức 2 đạt; đạt

Mức 3 khi đạt Mức 2 và tất cả các tiêu chí của Mức 3 đạt. Đạt Mức 4 khi đạt Mức 3 và tất cả các tiêu chí Mức 4 đạt.

- Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1

- Các kết luận khác (nếu có).

Đan Phượng, ngày 19 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Trọng Thà

PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường 2015 - 2020	2015	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H1-1.1-02]	Tờ trình đề nghị phê duyệt chiến lược	2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H1-1.1-03]	Hình ảnh công khai Chiến lược tại nhà trường	2016	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường	2013, 2017	Sở GD&ĐT Hà Nội	
	2	[H1-1.2-02]	Biên bản họp Hội đồng trường	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H1-1.2-03]	Kết quả Học lực và Hạnh kiểm của học sinh	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định về việc công nhận Ban chỉ ủy	2015	Huyện ủy Đan Phượng	
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định về việc công nhận BCHCD	2017	BCHCD ngành Giáo dục Hà Nội	
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định về việc công nhận BCH Đoàn TNCS	2015 - 2019	BCH Đoàn TNCS huyện Đan Phượng	
	4	[H1-1.3-04]	Biên bản Hội nghị CMHS nhà trường	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	5	[H1-1.3-05]	Biên bản họp Chi bộ	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	6	[H1-1.3-06]	Biên bản họp Công đoàn	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	7	[H1-1.3-07]	Biên bản họp Đoàn TNCS	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	8	[H1-1.3-08]	Biên bản tổng kết năm của các tổ chức Chi bộ, Công đoàn, Đoàn TNCS, Hội CMHS	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	9	[H1-1.3-09]	Giấy chứng nhận Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh	2015 - 2018	Huyện ủy Đan Phượng	
	10	[H1-1.3-10]	Giấy khen của Công đoàn, Đoàn TNCS	2015 - 2018	BCHCĐ ngành Giáo dục Hà Nội; BCH Đoàn TNCS huyện Đan Phượng	
	11	[H1-1.3-11]	Hình ảnh các hoạt động vì cộng đồng	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng	2009, 2014, 2018	Sở GD&ĐT Hà Nội	
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm các Phó Hiệu trưởng	2010 - 2015	Sở GD&ĐT Hà Nội	
	3	[H1-1.4-03]	Danh sách tổ chuyên môn các năm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H1-1.4-04]	Kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn, tổ văn phòng	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	5	[H1-1.4-05]	Kế hoạch chuyên đề các tổ chuyên môn	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	6	[H1-1.4-06]	Biên bản họp tổ CM	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	7	[H1-1.4-07]	Hình ảnh các chuyên đề cấp trường	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách học sinh các khối lớp	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H1-1.5-03]	Hình ảnh các giờ Sinh hoạt lớp	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H1-1.5-04]	Sổ điểm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Danh mục hệ thống hồ sơ	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H1-1.6-02]	Hình ảnh công khai thu nhập	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H1-1.6-03]	Biên bản kiểm kê tài sản	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H1-1.6-04]	Quy chế chi tiêu nội bộ	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	5	[H1-1.6-05]	Dự toán, quyết toán hằng năm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	6	[H1-1.6-06]	Các phần mềm quản lý đang sử dụng tại trường	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	7	[H1-1.6-07]	Các kết luận kiểm tra của phòng KHTC Sở	2015 - 2018	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch năm học	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H1-1.7-02]	Danh sách giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H1-1.7-03]	Thời khóa biểu	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập –	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
					Đan Phượng	
	4	[H1-1.7-04]	Hợp đồng kiểm tra sức khỏe cho giáo viên, nhân viên	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	5	[H1-1.7-05]	Bảng lương hằng tháng	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục học sinh	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H1-1.8-03]	Hình ảnh hoạt động ngoài giờ lên lớp	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H1-1.8-04]	Biên bản họp trung tâm hằng tháng	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	5	[H1-1.8-05]	Giấy khen của nhà trường các năm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	6	[H1-1.8-06]	Giấy phép dạy thêm, học thêm	2017,2018,2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Biên bản họp tổ	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H1-1.9-02]	Biên bản Hội nghị viên chức	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H1-1.9-03]	Biên bản tự kiểm tra nội bộ	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H1-1.9-04]	Biên bản họp Hội đồng giáo dục	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phân công nhiệm vụ BGH	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H1-1.10-02]	KH đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H1-1.10-03]	Hình ảnh hộp thư góp ý	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H1-1.10-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	5	[H1-1.10-05]	Hình ảnh hoạt động tuyên truyền PBGDPL	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	6	[H1-1.10-06]	Biên bản họp giáo viên chủ nhiệm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	7	[H1-1.10-07]	Sổ theo dõi nề nếp học sinh	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Quyết định tuyển dụng chính thức vào ngạch GV THPT của Hiệu trưởng	2017	Sở nội vụ	
	2	[H2-2.1-02]	Quyết định tuyển dụng chính thức vào ngạch GV THPT của các Phó Hiệu trưởng	2017	Sở nội vụ	
	3	[H2-2.1-03]	Bằng thạc sĩ của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	2009, 2013	Đại học giáo dục- Đại học quốc gia	
	4	[H2-2.1-04]	Phiếu đánh giá Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng	2015 - 2019	Sở GD&ĐT, Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	5	[H2-2.1-05]	Các loại chứng chỉ, chứng nhận của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng			
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hồ sơ quản lý nhân sự của nhà trường;	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H2-2.2-02]	Kết quả đánh giá chuẩn giáo viên	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H2-2.2-03].	Hình ảnh giáo viên hướng dẫn học sinh trải nghiệm, nghiên cứu KH	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H2-2.2-04]	Quyết định phân công và Giấy chứng nhận cho GV hướng dẫn nghiên cứu khoa học	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Hợp đồng tuyển dụng của nhân viên	2015 - 2019	Sở GD&ĐT Hà Nội, Trường THPT Tân Lập	
	2	[H2-2.3-02]	Xếp loại thi đua cuối năm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H2-2.3-03]	Phân công nhiệm vụ nhân viên theo năm học	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H2-2.3-04]	Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn của giáo viên	2015 - 2019	Sở GD&ĐT Hà Nội	
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Hồ sơ quản lý học sinh trên phần mềm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H2-2.4-02]	Hình ảnh học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H2-2.04-03]	Danh sách học sinh được hưởng các chế độ chính sách	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H2-2.04-04]	Sổ chủ nhiệm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	5	[H2-2.04-05]	Hình ảnh khen thưởng học sinh đạt thành tích	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Quyết định giao đất	2003	UBND Tỉnh Hà Tây	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh cổng trường, khuôn viên nhà trường	2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh sân chơi, bãi tập	2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Sơ đồ của nhà trường	2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H3-3.2-02]	Biên bản kiểm tra Y tế học đường	2015 - 2019	Trung tâm Y tế huyện Đan Phượng	
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh phòng bộ môn.	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H3-3.2-04]	Hình ảnh phòng đoàn, phòng truyền thống, thư viện	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	5	[H3-3.2-05]	Hình ảnh khối phòng phục vụ học tập	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh khu để xe giáo viên và học sinh	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H3-3.3-02]	Sổ theo dõi sửa chữa, thay thế trang thiết bị	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H3-3.3-03]	Danh mục thiết bị y tế; Danh mục các loại thuốc thiết yếu;	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh các khu vệ sinh	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H3-3.4-02]	Hình ảnh hệ thống nước	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H3-3.4-03]	Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng nước uống	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	[H3-3.4-04]	Hợp đồng thu gom rác với Công ty môi trường đô thị	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	5	[H3-3.4-05]	Hình ảnh hệ thống thoát nước	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Danh mục thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H3-3.5-02]	Hóa đơn Internet	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H3-3.5-03]	Hình ảnh đồ dùng dạy học tự làm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H3-3.5-04]	Sổ đăng ký mượn đồ dùng dạy học; sổ theo dõi thí nghiệm thực hành	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Biên bản kiểm tra công tác thư viện hằng năm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H3-3.6-02]	Hình ảnh tuyên truyền, giới thiệu sách	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H3-3.6-03]	Báo cáo công tác thư viện hằng năm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H3-3.6-04]	Hình ảnh quyên góp sách	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	5	[H3-3.6-05]	Quyết định công nhận thư viện đạt chuẩn, tiên tiến	2015 - 2019	Sở GD&ĐT Hà Nội	
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Biên bản các cuộc họp Hội CMHS các lớp	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Các kế hoạch phối hợp	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập –	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
					Đan Phượng	
	2	[H4-4.2-02]	Biên bản họp cha mẹ học sinh	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H4-4.2-03]	Hình ảnh phối hợp với Đoàn xã	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H4-4.2-04]	Hình ảnh quà tặng của cựu học sinh được sử dụng đúng mục đích	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	5	[H4-4.2-05]	Hình ảnh tặng quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch năm học; kế hoạch của các tổ chức, bộ phận công tác của nhà trường	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H5-5.1-02].	Kế hoạch hằng tháng của nhà trường	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H5-5.1-03]	Sổ báo giảng	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H5-5.1-04]	Hình ảnh các giờ dạy có ứng dụng phương pháp dạy học tích cực	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	5	[H5-5.1-05]	Ma trận đề kiểm tra của các môn học	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	6	[H5-5.1-06]	Kế hoạch giảng dạy các tổ, nhóm chuyên môn	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	7	[H5-5.1-07]	Bảng phân công giáo viên dạy học sinh giỏi, học sinh yếu kém	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hình ảnh hoạt động của các	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập –	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			CLB		Đan Phượng	
	2	[H5-5.2-02]	Bản đăng ký Nhà giáo Hà Nội giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H5-5.2-03]	Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H5-5.2-04]	Giấy khen của HS đạt giải cấp thành phố	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Giáo án, kế hoạch giảng dạy môn lịch sử, địa lý	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H5-5.3-02]	Tư liệu, hình ảnh tham quan Hà Nội, các cuộc thi tìm hiểu lịch sử Hà Nội	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H5-5.3-03]	Biên bản các cuộc họp của nhà trường có nội dung rà soát, đánh giá kết quả giáo dục địa phương	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H5-5.3-04]	Giáo án các bài dạy có nội dung giáo dục địa phương	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch hoạt động tập thể, hoạt động hướng nghiệp.	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H5-5.4-02]	Hình ảnh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H5-5.4-03]	Kế hoạch dạy nghề phổ thông, hồ sơ dạy nghề phổ thông	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H5-5.4-04]	Hình ảnh các chuyên đề giáo dục ngoài giờ lên lớp	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	5	[H5-5.4-05]	Sổ đầu bài	2015 - 2019		
	6	[H5-5.4-06]	Biên bản họp giao ban hằng tuần của trung tâm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch tổ chức hoạt động GDNGLL; Kế hoạch tuyên truyền PB GDPL	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H5-5.5-02]	Báo cáo tổng kết của Đoàn trường	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	3	[H5-5.5-03]	Hình ảnh giờ sinh hoạt lớp	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	4	[H5-5.5-04]	Giấy khen học sinh đạt giải nghiên cứu khoa học	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Hình ảnh tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	
	2	[H5-5.6-02]	Báo cáo thống kê hằng năm	2015 - 2019	Trường THPT Tân Lập – Đan Phượng	